

Số: 239 /TTr-PCTTTKCN

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Công văn số 26/TWPC TT ngày 19/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc rà soát Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và góp ý mẫu Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định chi tiết một số nội dung về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Kế hoạch 96/KH-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 288-KH/TU ngày 22/6/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại mục 2 Công văn số 1494/UBND-NNTN ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh về việc rà soát Kế hoạch Phòng, chống thiên tai

giai đoạn 2016 - 2020, góp ý mẫu Kế hoạch và xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 – 2025 (*có bản chụp kèm theo*), Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã dự thảo Đề cương nhiệm vụ và dự toán xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 và lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương liên quan;

Qua tổng hợp, tiếp thu chỉnh sửa và giải trình các ý kiến của các Sở, ngành, địa phương liên quan (*bao gồm: Công văn số 1799/UBND-PCTT ngày 08/10/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh; Công văn số 2377/SGTVT-QLGT ngày 09/10/2020 của Sở Giao thông vận tải; Công văn số 4337/CAT-PV01 (TTTTCH) ngày 13/10/2020 của Công an tỉnh; Công văn số 962/UBND-NL ngày 15/10/2020 của UBND huyện Mộ Đức; Công văn số 1816/SKHĐT-KTN ngày 22/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư*), đến nay, Đề cương nhiệm vụ và dự toán đã cơ bản hoàn thiện. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh kính đề nghị Sở Tài chính xem xét thẩm định Đề cương nhiệm vụ và dự toán nêu trên với những nội dung chính như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

2. Cơ quan lập Đề cương nhiệm vụ và dự toán: Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

3. Cơ quan thực hiện: Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Mục tiêu và nội dung cần thực hiện

a) Mục tiêu:

Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi cho giai đoạn 2021-2025 là cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 bao gồm việc xác định được các nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện và nguồn lực nhằm xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ; lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; nâng cao năng lực cảnh báo, ứng phó hiện đại, phù hợp nhằm cảnh báo sớm, ứng phó kịp thời để đánh giá được cấp độ rủi ro thiên tai; nâng cao ý thức của cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai nhằm giảm thiểu thiệt hại do các loại hình thiên tai gây ra.

b) Nội dung cần thực hiện:

- Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng:

+ Khảo sát tổng hợp, thu thập dữ liệu liên quan đến đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng, hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và dữ liệu liên quan.

+ Đánh giá đặc điểm chung về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở

hạ tầng của trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Xác định các nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Xác định các phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Lập kế hoạch nguồn lực và tiến độ thực hiện.

- Xây dựng Báo cáo thuyết minh nội dung Kế hoạch.

6. Sản phẩm giao nộp:

a) Chung loại sản phẩm giao nộp:

- Báo cáo thuyết minh nội dung Kế hoạch;

- Bản đồ tổng thể rủi ro các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- USB lưu trữ toàn bộ sản phẩm Kế hoạch.

b) Số lượng sản phẩm giao nộp:

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch: 05 bộ;

- Bản đồ tổng thể rủi ro các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: 05 bộ;

- USB: 01 cái.

7. Thời gian thực hiện: 04 tháng (Dự kiến hoàn thành trình phê duyệt, ban hành kế hoạch vào đầu Quý II/2021).

8. Tổng kinh phí: 550.486.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng)

9. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp tỉnh.

(Cụ thể có Đề cương nhiệm vụ và dự toán kèm theo)

Kính đề nghị Sở Tài chính xem xét thẩm định, tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Các đ/c: TB, Phó TBTT;
- VPTT: C, PCVP, TT;
- Lưu VPTT(lvb69).

CHÁNH VĂN PHÒNG



Võ Quốc Hùng

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1960

1961

1962

1963

1964

1965

1966

1967

1968

1969

1970

1971

1972

1973

1974

1975

1976

1977

1978

1979

1980

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH
QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2025

CƠ QUAN LẬP:

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN TỈNH

Quảng Ngãi, năm 2020

OF CRYSTAL STRUCTURE

BY
D. J. WILKINSON

THE
CRYSTAL STRUCTURE OF
SODIUM CHLORIDE
AND
SODIUM FLUORIDE

BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

-----oOo-----

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2025

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LẬP
VPTT BCH PCTT VÀ TKCN
TỈNH QUẢNG NGÃI
CHÍNH VĂN PHÒNG



[Signature]
Võ Quốc Hùng

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Địa chất và khoáng sản ngày 19 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định chi tiết một số nội dung về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- Kế hoạch 96/KH-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 288-KH/TU ngày 22/6/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
- Công văn số 1494/UBND-NNTN ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh về việc rà soát Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016 - 2020, góp ý mẫu Kế hoạch và xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025.

2. Tên Nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

3. Cơ quan lập Đề cương - Dự toán: Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Loại nguồn vốn: Nguồn vốn sự nghiệp tỉnh.

6. Thời gian thực hiện: 06 tháng

II. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH



Quảng Ngãi là tỉnh nằm ở khu vực Nam Trung Bộ với diện tích tự nhiên khoảng 5.155,8 km² bao gồm 11 huyện, 1 thị xã và 01 thành phố. Dân số toàn tỉnh năm 2018 khoảng 1,27 triệu người, mật độ dân số trung bình 247 người/km², trong đó dân số thành thị chiếm khoảng 15% tổng dân số toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo trong năm 2018 trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi vẫn tương đối cao khoảng 9,39% so với tỷ lệ nghèo chung của cả nước khoảng 6,7%. Ngành công nghiệp giữ vị thế chủ lực trong cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ngãi với tỷ trọng 75,86 %, dịch vụ là 14% còn lại là nông nghiệp.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội thì quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra rất mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trong khi đó, do đặc điểm địa hình, khí hậu cùng cơ chế hoàn lưu khí quyển, nên khu vực tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên phải hứng chịu nhiều loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn....

Số liệu thống kê cho thấy chỉ trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2019, thiên tai đã làm 170 người chết, 852 người bị thương, 3.375 ngôi nhà bị sập đổ, hơn 63.000 ngôi nhà bị hư hỏng, tổng thiệt hại lên tới hơn 9.900 tỷ đồng.

Lũ lụt: Là một trong những loại hình thiên tai thường xuyên diễn ra và gây ra thiệt hại rất lớn và ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Tỉnh Quảng Ngãi có mạng lưới sông suối tương đối dày và phân bố khá đồng đều với 4 con sông lớn là sông Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ và Trà Câu. Tuy nhiên, các hệ thống sông này đều có độ dốc lớn, thời gian tập trung nước rất nhanh nên đặc điểm dòng chảy lũ trên các sông là biên độ lũ cao, cường suất nước lũ lớn, thời gian lũ lên ngắn, dạng lũ nhọn. Chính vì vậy, dòng chảy lũ trên các sông thường gây ra những thiệt hại rất lớn về người và tài sản cho người dân tỉnh Quảng Ngãi. Điển hình như trận lũ sau bão số 9 – Ketsana (tháng 10 năm 2009) đã làm 51 người chết, 506 người bị thương, 2.097 ngôi nhà bị sập cuốn trôi, 59.531 ngôi nhà bị hư hỏng, tổng giá trị thiệt hại ước tính 4.465 tỷ đồng; hay trận lũ xảy ra vào 11/2013 làm 16 người chết, 131 người bị thương, 130 ngôi nhà bị sập, thiệt hại ước tính lên tới 1.761 tỷ đồng. Ngoài ra, tác động biến đổi khí hậu ngày càng lớn và rõ ràng hơn, các hiện tượng khí hậu cực đoan như lũ lụt có chiều hướng gia tăng cả về thời gian và cường độ; chỉ tính trong 5 năm trở lại đây đã xảy ra liên tiếp các trận lũ lớn gây thiệt hại lớn về người và tài sản trên các lưu vực sông thuộc tỉnh Quảng Ngãi như trận lũ năm 12/2016, trận lũ tháng 11/2017, trận lũ tháng 12/2018, trận lũ tháng 10/2019.

Bão: Bão và áp thấp nhiệt đới gây ảnh hưởng rất lớn đối với tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt là đối với ngành khai thác, đánh bắt thủy sản của tỉnh. Hàng năm, tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt là những địa phương ven biển như Thành phố Quảng Ngãi, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ thường xuyên phải chịu ảnh hưởng của 4÷5 cơn bão, áp thấp nhiệt đới gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân trong vùng và sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Do đặc điểm địa hình, khí hậu của tỉnh nên bão thường đi kèm với nhiều loại hình thiên tai nguy hiểm khác như mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét và lũ lụt nên gây ra thiệt hại rất

lớn. Gần đây nhất, cơn bão số 5 năm 2019 đã làm 1 người chết, 14 người bị thương, 677 ngôi nhà bị hư hỏng, ngập úng hơn 400 ha rau màu, hơn 20.000 gia cầm bị chết và nhiều tuyến đường giao thông quan trọng bị sạt lở nghiêm trọng như quốc lộ 24, 24B, 24C, đường Trường Sơn Đông., tổng giá trị thiệt hại ước tính lên tới gần 370 tỷ đồng.

Lũ quét: Trên địa bàn 5 huyện miền núi gồm Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra lũ quét do đây là khu vực có địa hình có độ dốc và lượng mưa rất lớn, lượng mưa 1 ngày lớn nhất ở khu vực này có thể đạt tới 270÷320 mm/ngày. Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, quy mô nhỏ hẹp, nhưng tính chất rất khốc liệt nên thường gây ra thiệt hại rất nghiêm trọng về người và tài sản.

Sạt lở: Tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh cũng đang diễn ra hết sức phức tạp, đe dọa tính mạng và tài sản của nhân dân, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Theo số liệu thống kê, toàn tỉnh có khoảng hơn 175 điểm sạt lở bờ sông, bờ biển trong đó có tới hơn 120 điểm sạt lở nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm. Tốc độ sạt lở bình quân hàng năm từ 5÷10m, có những vùng lên tới 30 m như khu vực xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi.

Hạn hán: Do chế độ phân phối nguồn nước tự nhiên không đồng đều theo thời gian, mùa khô ở tỉnh Quảng Ngãi kéo dài từ tháng 1 đến tháng 8, với tổng lượng nước trong mùa khô chỉ chiếm khoảng 30% so với tổng lượng nước cả năm; Lượng mưa rất ít kèm theo nắng nóng kéo dài nên hạn hán cũng thường xuyên xảy ra, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu thống kê, từ cuối năm 2013 đến 2016 đã có 5.993 ha cây trồng bị hạn, 4.784 ha phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng, 32.100 ha cây trồng bị thiếu nước phải ứng cứu. Trong vụ hè thu năm 2019, tình hình hạn hán diễn ra rất nghiêm trọng; tính đến đầu tháng 8, tổng lượng nước trữ trong các hồ chứa trên địa bàn tỉnh chỉ còn 14% dung tích thiết kế, có 70/123 hồ chứa không còn nước, tổng diện tích cây trồng bị thiếu nước lên tới 2.263 ha, hơn 710 ha cây trồng phải dừng sản xuất, khoảng 11.600 hộ dân thiếu nước sinh hoạt.

Động đất: Vùng miền núi phía Tây tỉnh nằm trên địa bàn các huyện Trà Bồng, Sơn Tây luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra động đất với cường độ mạnh. Đây là khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của dư chấn động đất do có vị trí địa lý rất gần với khu vực thường xuyên có tâm chấn động đất thuộc tỉnh Quảng Nam. Theo số liệu thống kê, trong 2 năm 2017÷2018, khu vực này đã xảy ra 69 trận động đất với cường độ khác nhau. Đây là loại hình thiên tai có mức độ tàn phá rất lớn nhưng chưa thể dự báo được. Mặt khác, khu vực này là khu vực những huyện nghèo với cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương nên những tác động của loại hình thiên tai này sẽ càng trở nên nghiêm trọng.

Sóng thần: Nằm ở khu vực Nam Trung bộ, nền kinh tế Quảng Ngãi phụ thuộc rất lớn vào đường bờ biển dài 130 km chạy dọc phía Đông của tỉnh. Nhiều

cơ sở hạ tầng quan trọng của tỉnh như Khu kinh tế Dung Quất, cảng biển, các khu đô thị...đều được xây dựng ở khu vực vành đai này. Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy, khu vực biển Quảng Ngãi là nơi có nguy cơ chịu tác động lớn nhất nếu xảy ra sóng thần với chiều cao sóng có thể lên tới hàng chục mét nếu xảy ra động đất ở đới hút chìm Manila. Mặc dù, chưa có bằng chứng rõ ràng cho thấy sóng thần đã ảnh hưởng tới vùng bờ biển Quảng Ngãi nhưng rủi ro loại hình thiên tai này vẫn luôn hiện hữu.

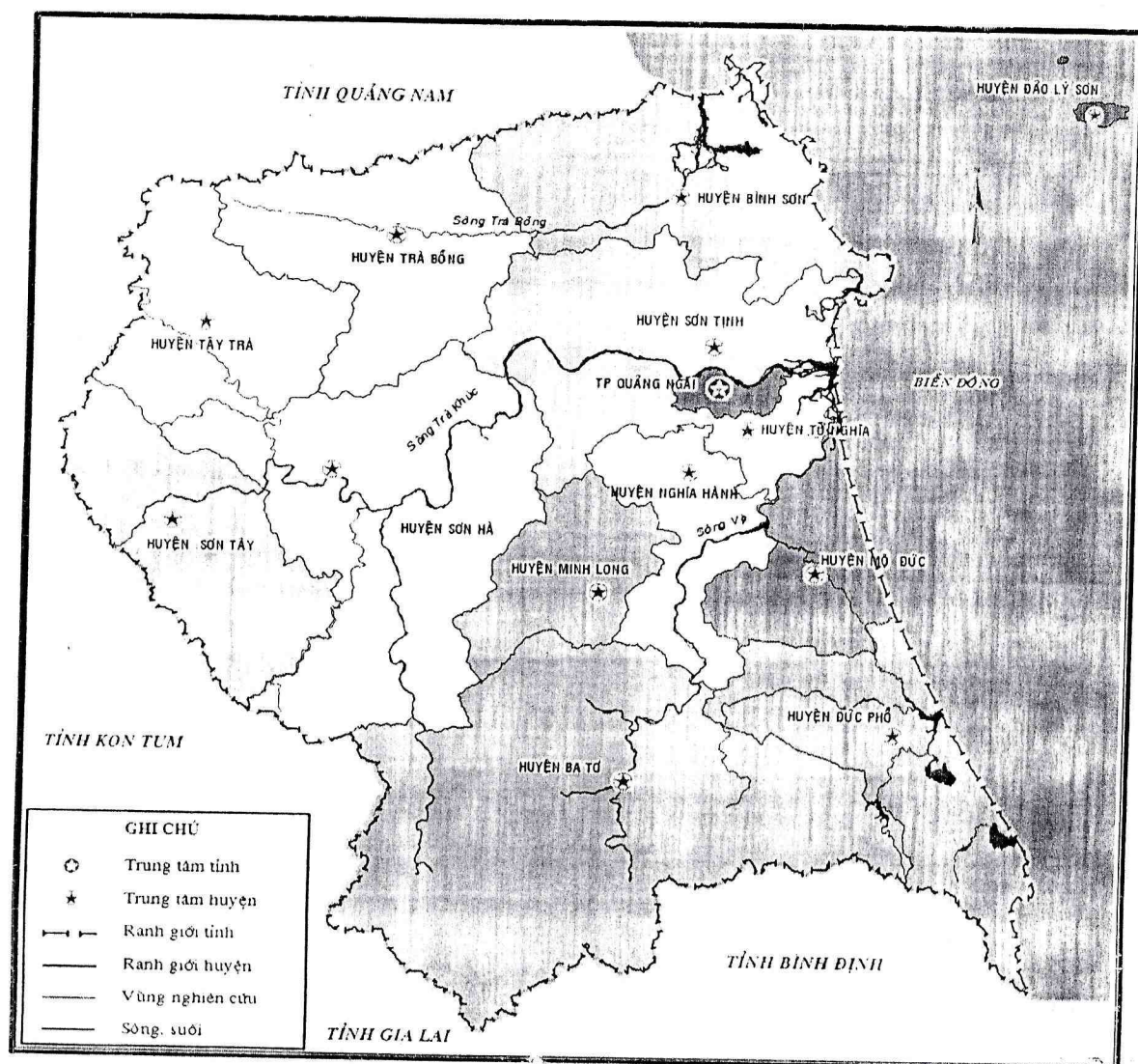
Ngoài ra còn một số các loại hình thiên tai cơ bản khác như giông lốc, sét, mưa đá, nắng nóng, xâm nhập mặn, nước biển dâng, gió mạnh trên biển... cũng thường xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gây ra các thiệt hại về người và tài sản, công trình cơ sở hạ tầng.

Từ các số liệu thống kê cho thấy, Quảng Ngãi là tỉnh chịu ảnh hưởng rất nặng nề của thiên tai với nhiều loại hình thiên tai có diễn biến phức tạp và tính chất đặc biệt nguy hiểm. Thiệt hại do thiên tai gây ra không những ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân trong vùng mà còn gây ra những tác động nghiêm trọng khó có thể dự báo được đối với sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh. Mặt khác, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của tỉnh thì một yêu cầu thực tế đặt ra là cần phải nâng cao mức độ đảm bảo an toàn cho hệ thống cơ sở hạ tầng quan trọng cũng như cuộc sống của người dân trong vùng trước những tác động của thiên tai và giảm thiểu những thiệt hại do thiên tai gây ra. Ngoài ra, tác động biến đổi khí hậu đang ngày càng hiện hữu và rõ nét, các loại hình thiên tai có xu hướng gia tăng mạnh cả về tần suất và cường độ, yếu tố này đem đến thách thức lớn cho công tác phòng chống thiên tai của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn sắp tới. Trong bối cảnh mới và với nguồn lực còn hạn chế, để đạt được hiệu quả cao và chủ động trong công tác phòng chống thiên tai cũng như góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội thì cần thiết phải có những bước đi chắc chắn trên cơ sở một lộ trình cụ thể thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

Chính vì vậy, việc xây dựng “Kế hoạch Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi” trong giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và đúng theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai.

III. PHẠM VI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Thực hiện khảo sát, thu thập dữ liệu và nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ, hoạt động kỹ thuật cần thực hiện, thể chế chính sách, nguồn lực tài chính, biện pháp tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm quản lý thiên tai một cách thuận lợi, bền vững bám sát với thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi.



Hình 1. Bản đồ khu vực nghiên cứu

IV. MỤC TIÊU VÀ CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

4.1. Mục tiêu của Kế hoạch Phòng, chống thiên tai tại tỉnh Quảng Ngãi

Kế hoạch phòng, chống thiên tai tại tỉnh Quảng Ngãi cho giai đoạn 2021-2025 là cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 bao gồm việc xác định được các nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện và nguồn lực nhằm xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ; lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; nâng cao năng lực cảnh báo, ứng phó hiện đại, phù hợp nhằm cảnh báo sớm, ứng phó kịp thời để đánh giá được cấp độ rủi ro thiên tai; nâng cao ý thức của cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai nhằm giảm thiểu thiệt hại do các loại hình thiên tai gây ra.

Mục tiêu cụ thể:

Đánh giá được đặc điểm chung về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ

sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Đánh giá được hiện trạng các loại hình thiên tai diễn hình và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Đánh giá được rủi ro các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Đề xuất được nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra gồm: (i) Xác định nội dung, biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường xuyên xảy ra tại địa phương; (ii) Nâng cao năng lực tham mưu chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai; (iii) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng chống thiên tai, trang thiết bị chuyên dùng cho hoạt động chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai; (iv) Lồng ghép vào kế hoạch, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, kế hoạch sử dụng đất đai và bố trí dân cư; (v) Tập huấn, diễn tập nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác phòng chống thiên tai; (vi) Công tác phối hợp giữa các lực lượng, cơ quan trong ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và nguồn lực để thực hiện các hoạt động, biện pháp phòng chống thiên tai hàng năm và 5 năm.

4.2. Các nội dung cần thực hiện để xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025

4.2.1. Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

a) Khảo sát tổng hợp, thu thập dữ liệu liên quan đến đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng, hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và dữ liệu liên quan

Khảo sát, thu thập tài liệu về đặc điểm tự nhiên gồm: điều kiện địa lý, mạng lưới sông ngòi, địa hình địa mạo, khí tượng thủy văn, thảm phủ thực vật... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Khảo sát, thu thập tài liệu hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế xã hội, dân cư, đất đai, cơ sở hạ tầng thủy lợi, thủy điện, giao thông... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Khảo sát, thu thập dữ liệu hiện trạng các loại hình thiên tai và tác động, thiệt hại do thiên tai đến các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; Công tác tổ chức, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai các cấp; Công trình cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai;

Các loại tài liệu dự án, bản đồ, kế hoạch có liên quan.

b) Đánh giá đặc điểm chung về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng của trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Phân tích dữ liệu, đánh giá về các đặc điểm tự nhiên, khí hậu, vị trí địa lý và tác động của các đặc điểm đó với các loại hình thiên tai;

Phân tích dữ liệu, đánh giá về đặc điểm hiện trạng và định hướng phát triển dân cư, kinh tế xã hội và tác động của các đặc điểm đó với các loại hình thiên tai;

c) Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Tổng kết, đánh giá về các giải pháp phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra đã và đang triển khai thực hiện trong giai đoạn gần đây gồm các nội dung chính:

- Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách và tổ chức chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;
- Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;
- Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai;
- Công tác cứu hộ, cứu nạn;
- Hạ tầng và công tác thông tin, truyền thông, quan trắc, giám sát thiên tai, các dữ liệu trong phòng, chống thiên tai;
- Nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai;
- Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch các ngành kinh tế;
- Công tác khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết sau thiên tai;
- Tổng hợp dữ liệu, đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai chủ yếu (giao thông, thủy lợi, thủy điện, y tế, quan trắc khí tượng thủy văn, thông tin liên lạc, công trình công cộng, hạ tầng cấp điện, nước...);
- Nguồn lực phục vụ các hoạt động phòng, chống thiên tai.

4.2.2. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Phân tích cơ sở dữ liệu hiện trạng thiên tai (loại hình, vị trí, tần suất, mức độ thiệt hại...) đã thu thập từ các địa phương, ban ngành; các tài liệu khảo sát thực địa tình hình thiên tai tại hiện trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Cập nhật, phân tích, biên tập thông tin từ các dự án, đề tài nghiên cứu, đánh giá về các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, vùng Nam Trung bộ như: Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Bồng (đoạn từ xã Trà Bình đến cửa Sa Cần) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch

phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Vệ (đoạn từ xã Hành Tín Tây đến cửa Lở) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Câu (đoạn từ hạ lưu đập tràn xả lũ hồ chứa nước Núi Ngang đến cửa Mỹ Á) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão; Bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong tình huống xả lũ khẩn cấp hoặc vỡ đập; Củng cố, nâng cấp đê kè biển, đê cửa sông; các báo cáo hằng năm về tình hình hạn hán và xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi...;

Khoanh vùng tác động của các loại hình thiên tai trọng yếu, thể hiện các mức độ ảnh hưởng và thông tin dữ liệu kèm theo trên bản đồ rủi ro thiên tai tổng thể tỉnh Quảng Ngãi;

Tổng hợp, đánh giá chung về các loại hình rủi ro thiên tai chính, thiệt hại, vị trí do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Phân tích, đánh giá được các cấp độ rủi ro thiên tai, xác định rủi ro thiên tai trên bản đồ với các loại thiên tai chính xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gồm:

- Ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão, gió mạnh trên biển;
- Mưa lớn, lũ, lũ ống, lũ quét và ngập lụt;
- Sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở bờ biển;
- Lốc, sét và mưa đá;
- Nắng nóng, hạn hán;

Đề xuất nhiệm vụ điều tra, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai chi tiết và cập nhật mới cho các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4.2.3. Xác định các nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Xác định các nội dung và biện pháp kỹ thuật, nguồn lực, vai trò trách nhiệm các đơn vị, tổ chức, các cấp chính quyền trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai;

Xác định các nội dung và biện pháp kỹ thuật, nguồn lực, vai trò trách nhiệm các đơn vị, tổ chức, các cấp chính quyền trong công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn với từng cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai;

Xác định các nội dung và biện pháp kỹ thuật, nguồn lực, vai trò trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, các cấp chính quyền trong công tác tổ chức khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai;

Đề xuất các nội dung, kế hoạch, nguồn lực để tập trung thực hiện các Kế hoạch chi tiết phòng chống một số loại hình thiên tai trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau: (i) Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông thuộc tỉnh; (ii) Kế hoạch phòng, chống bão mạnh, siêu bão; (iii) Kế hoạch chi tiết phòng, chống lũ quét, sạt lở đất; (iv) Kế hoạch chi tiết phòng, chống hạn hán, xâm nhập

mặn; (v) Kế hoạch chi tiết phòng, chống sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở bờ biển.

4.2.4. Xác định nhu cầu đầu tư phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

- Nhu cầu đầu tư phương tiện, vật tư;
- Nhu cầu đầu tư trang thiết bị thông tin liên lạc;
- Nhu cầu đầu tư trang thiết bị chuyên dùng để quan trắc, giám sát, cảnh báo thiên tai;
- Nhu cầu đầu tư các vật tư, phương tiện, trang thiết bị liên quan khác.

4.2.5. Xác định các dự án/chương trình của các ngành, địa phương có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

Quan điểm, đối tượng, phạm vi cần phải thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai khi thực hiện;

Rà soát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Phân tích, đề xuất các nguồn lực phát triển, đầu tư cần thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

Đề xuất các nội dung ưu tiên phân bổ nguồn lực, kinh phí cho công tác phòng chống thiên tai và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai.

4.2.6. Lập kế hoạch nguồn lực và tiến độ thực hiện

Ước tính kinh phí, xác định nguồn lực thực hiện các nội dung của kế hoạch;

Xây dựng tiến độ, lộ trình thực hiện các nội dung của kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

4.2.7. Tổ chức thực hiện

Quy định trách nhiệm, đầu mối các đơn vị, ban ngành, cấp chính quyền tổ chức thực hiện kế hoạch với các nội dung sau:

- Triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch;
- Tổ chức thực hiện công tác rà soát, tổng kết hằng năm và 5 năm, kiến nghị điều chỉnh các nội dung kế hoạch phù hợp thực tiễn;
- Tổ chức công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch;
- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai điều chỉnh hằng năm (nếu có).

4.2.8. Xây dựng Báo cáo thuyết minh nội dung Kế hoạch

V. SẢN PHẨM GIAO NỘP

5.1 Chủng loại sản phẩm giao nộp:

- + Báo cáo thuyết minh nội dung Kế hoạch;
- + Bản đồ tổng thể rủi ro các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- + USB lưu trữ toàn bộ sản phẩm Kế hoạch;

5.2. Số lượng sản phẩm giao nộp:

- + Báo cáo thuyết minh Kế hoạch: 05 bộ;
- + Bản đồ tổng thể rủi ro các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: 05 bộ;
- + USB: 01 cái;

VI. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Kế hoạch Chi tiết tiến độ xây dựng Kế hoạch theo Bảng 1.

Bảng 1: Kế hoạch tiến độ xây dựng Kế hoạch

Stt	Công việc	Đơn vị Phối hợp	Tiến độ dự kiến (kể từ khi ký hợp đồng dịch vụ tư vấn)
1	Khảo sát tổng hợp, thu thập dữ liệu liên quan đến đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng, hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và dữ liệu liên quan	Sở NN và PTNT; Các Sở Ban ngành có liên quan; các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Tháng thứ nhất
2	Đánh giá đặc điểm chung về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng của trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các Sở: NN và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng,... và các địa phương	Tháng thứ 2
3	Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Tháng thứ 2
4	Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở NN và PTNT; các địa phương	Tháng thứ 3
5	Xác định các nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; nhu cầu vật tư, phương tiện, trang thiết bị	Sở NN và PTNT; các địa phương	Tháng thứ 3-4
6	Xác định các dự án/chương trình của các ngành, địa phương có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	Các Sở: NN và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương có liên quan	Tháng thứ 4

Stt	Công việc	Đơn vị Phối hợp	Tiến độ dự kiến (kể từ khi ký hợp đồng dịch vụ tư vấn)
7	Lập kế hoạch nguồn lực và tiến độ thực hiện	Các Sở: NN và PTNT; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở có liên quan	Tháng thứ 4
8	Xây dựng Báo cáo thuyết minh nội dung Kế hoạch	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi	Tháng thứ 4

VII. KINH PHÍ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

7.1. Tổng kinh phí: 550.486.000 (Năm trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng)

Dự toán Chi tiết được lập theo Bảng 2.

7.2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp tỉnh.



Bảng 2: Dự toán chi tiết xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi

TT	Hạng mục	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Chi phí (đồng)	Ghi chú
I	Khảo sát tổng hợp, thu thập tài liệu (06 người thực hiện)					122.625.080	
1	Công tác phí						
1.1	Tại thành phố Quảng Ngãi	6 người x 2 ngày	ngày	12	200.000	21.600.000	
1.2	Tại 06 huyện, thị xã, thành phố đồng bằng	6 người x 2 ngày/huyện x 6 huyện	ngày	72	100.000	7.200.000	Theo NQ 46/2017/NQ-HĐND
1.3	Tại 05 huyện miền núi	6 người x 2 ngày/huyện x 5 huyện	ngày	60	150.000	9.000.000	
1.4	Tại huyện Lý Sơn	6 người x 2 ngày	ngày	12	250.000	3.000.000	
2	Tiền thuê phòng nghỉ					24.900.000	
2.1	Tại thành phố Quảng Ngãi	6 người x 2 đêm	đêm	12	200.000	2.400.000	Theo NQ 46/2017/NQ-HĐND
2.2	Tại các huyện, thị xã	6 người x 25 đêm	đêm	150	150.000	22.500.000	
3	Chi phí đi lại					36.980.000	
3.1	Thuê ô tô (07 chỗ) từ TP Quảng Ngãi đi các huyện, thị xã	11 huyện, thị xã x 2 ngày/huyện	Lượt	22	1.500.000	33.000.000	Chi theo chứng từ thực tế
3.2	Thuê taxi đi đến UBND TP Quảng Ngãi và ngược lại	08 lượt đi lại lại trong 02 ngày	Lượt	8	100.000	800.000	
3.3	Thuê taxi đi từ TP Quảng Ngãi đi Cảng Sa Kỳ và ngược lại	Taxi 07 chỗ, giá theo thực tế	Lượt	2	350.000	700.000	
3.4	Vé tàu Cao tốc từ Sa Kỳ - Lý Sơn và ngược lại	Vé tàu cho 06 người (theo thực tế)	Lượt	12	190.000	2.280.000	
3.5	Thuê taxi đi từ cảng Lý Sơn - UBND huyện Lý Sơn	Taxi 07 chỗ, giá theo thực tế	Lượt	2	100.000	200.000	

TT	Hạng mục	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Chi phí (đồng)	Ghi chú
4	Khảo sát, thu thập tài liệu (02 người thực hiện 01 nội dung trong 02 ngày)					39.145.080	
4.1	Khảo sát, thu thập tài liệu về đặc điểm tự nhiên điều kiện địa lý, mạng lưới sông ngòi, địa hình địa mạo, khí tượng thủy văn, thảm phủ thực vật... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;	13 huyện x 4 công/Huyện x đơn giá KS bậc 3	công	52	250.930	13.048.360	
4.2	Khảo sát, thu thập tài liệu hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế xã hội, dân cư, đất đai, cơ sở hạ tầng thủy lợi, thủy điện, giao thông... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;	13 huyện x 4 công/huyện x đơn giá KS bậc 3	công	52	250.930	13.048.360	
4.3	Khảo sát, thu thập dữ liệu hiện trạng các loại hình thiên tai và tác động, thiệt hại do thiên tai đến các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; Công tác tổ chức, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai các cấp; Công trình cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai;	13 huyện x 4 công/huyện x đơn giá KS bậc 3	công	52	250.930	13.048.360	
II	Xây dựng các nội dung của Kế hoạch					278.494.020	

TT	Hạng mục	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Chi phí (đồng)	Ghi chú
1	Đánh giá đặc điểm chung về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng của trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Ngày công x đơn giá KS bậc 5	công	60	306.134	18.368.040	
2	Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Ngày công x đơn giá KS bậc 5	công	60	306.134	18.368.040	
3	Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Ngày công x đơn giá KS bậc 5	công	240	306.134	73.472.160	
4	Xác định các nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; nhu cầu vật tư, phương tiện, trang thiết bị	Ngày công x đơn giá KS bậc 6	công	120	333.736	40.048.320	
5	Xác định các phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	Ngày công x đơn giá KS bậc 6	công	120	333.736	40.048.320	
6	Lập kế hoạch nguồn lực và tiến độ thực hiện	Ngày công x đơn giá KS bậc 6	công	135	333.736	45.054.360	
7	Tổ chức thực hiện	Ngày công x đơn giá KS bậc 6	công	30	333.736	10.012.080	
8	Xây dựng báo cáo thuyết minh nội dung Kế hoạch	Ngày công x đơn giá KSC bậc 1	công	90	368.030	33.122.700	

TT	Hạng mục	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Chi phí (đồng)	Ghi chú
III	Báo cáo các cơ quan có liên quan và trình phê duyệt					27.200.000	
1	Công tác phí	03 đợt x 2 người x 4 ngày/người	ngày	24	150.000	3.600.000	
2	Tiền phòng ngủ	03 đợt x 2 người x 3 đêm/người	đêm	18	200.000	3.600.000	
3	Phương tiện đi lại	2 người x 2 lượt x 2 đợt	lượt	8	2.500.000	20.000.000	
IV	In ấn hồ sơ, tài liệu	Tạm tính				15.000.000	
V	Tổng chi phí trước thuế	(I + II + III + IV)				443.319.100	
VI	Thuế VAT	10% x (V)				44.331.910	
VII	Tổng sau thuế	(V + VI)				487.651.010	
VIII	Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ	25 triệu đồng/ năm/ nhiệm vụ	đồng	1	25.000.000	25.000.000	Thông tư 136/2017/TT-BCT ngày 22/11/2017 của BCT - Nhóm III
IX	Chi phí khác					13.453.320	
1	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự toán	1,6% x VII	đồng			7.802.416	Thông tư 136/2017/TT-BCT ngày 22/11/2017 của BCT - Nhóm III

TT	Hạng mục	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Chi phí (đồng)	Ghi chú
2	Chi phí thẩm định đề cương nhiệm vụ, dự toán	20% x chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự toán	đồng			1.560.483	Trang 4, TT 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng
3	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	0,361*VII	đồng			1.760.420	Bảng 2.19, TT 16/2019/TT-BXD
4	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu	0,05% x VII; Tối thiểu 1.000.000 đồng, Tối đa 50.000.000 đồng	đồng			1.000.000	Điều 9 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05% x VII; Tối thiểu 1.000.000 đồng, Tối đa 50.000.000 đồng	đồng			1.000.000	
6	Chi phí đăng thông báo mời thầu	330.000 đồng/lần/thứ tiếng	đồng/gói/thứ tiếng	1	330.000	330.000	Thông tư 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015
X	Chi phí dự phòng	5% tổng giá trị thực hiện				24.382.551	
	TỔNG CỘNG (VII+VIII+IX+X)					550.486.880	
	LÀM TRÒN					550.486.000	

(Bảng chữ: Năm trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng)

Bảng 3: BẢNG CHIẾT TÍNH CÔNG CHUYÊN GIA

(Căn cứ theo Thông tư 43/2013/TT-BNNPTNT ngày 22-10-2013)

TT	Nội dung	Kỹ sư chính bậc 1/8 (KSC5) (đồng)	Kỹ sư bậc 6/9 (KS6) (đồng)	Kỹ sư bậc 5/9 (KS5) (đồng)	Kỹ sư bậc 3/9 (KS4) (đồng)
I	Mức lương tối thiểu	1.490.000	1.490.000	1.490.000	1.490.000
	Hệ số lương	4,4	3,99	3,66	3
II	Lương cơ bản	6.556.000	5.945.100	5.453.400	4.470.000
III	Các khoản phải đóng góp theo lương	1.540.660	1.397.099	1.281.549	1.050.450
-	Bảo hiểm xã hội (17% lương cơ bản)	1.114.520	1.010.667	927.078	759.900
-	Bảo hiểm y tế (3% lương cơ bản)	196.680	178.353	163.602	134.100
-	Kinh phí công đoàn (2% lương cơ bản)	131.120	118.902	109.068	89.400
-	Bảo hiểm thất nghiệp (1% lương cơ bản)	65.560	59.451	54.534	44.700
-	Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (0,5% lương cơ bản)	32.780	29.726	27.267	22.350
IV	Tổng (II+III)	8.096.660	7.342.199	6.734.949	5.520.450
	Đơn giá cho 1 ngày công lao động (Tổng/22 ngày)	368.030	333.736	306.134	250.930

